**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**
**TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các *Hội thẩm nhân dân:*
Ông Phạm Thanh Hải;
Ông Nguyễn Quốc Khanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Neàng Sa Men.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Chau Chanh T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh A, Có mặt;

- *Bị đơn*: Bà Neàng Kim Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: số nhà 29, Tổ 3, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- *Người phiên dịch*: Ông Lục Tà D – Cán bộ Đài truyền thanh huyện Tịnh Biên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện lại ngày 29 tháng 5 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Chau Chanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Neàng Kim Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Từ tháng 12 năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau và không còn sống chung từ đó. Nên yêu cầu được ly hôn với bà Neàng Kim Đ.

Về con chung: có hai (02) con chung tên Chau Kim T, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010 và Chau Chanh Sôk P, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2013. Sau khi tòa án tiến hành phiên hòa giải ngày 10 tháng 7 năm 2018 ông T thống nhất giao 02 con chung cho bà Neàng Kim Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Bà Neàng Kim Đ trình bày lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông T. Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung: có hai (02) con chung tên Chau Kim T, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010 và Chau Chanh Sôk P, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2013. Yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Cháu Chau Kim T có ý kiến như sau: Nếu cha mẹ ly hôn, thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ Neàng Kim Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn xin vắng mặt;

* Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thực hiện đúng trình tự pháp luật, gửi văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn luật định theo quy định tại các Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với Hội đồng xét xử: đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử theo quy định của Bộ luật tó tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: xét thấy ông T và bà Đ sống chung như vợ chồng từ năm 2009, không đăng ký kết hôn và theo lời khai của bà Đ thể hiện trong hồ sơ, cũng phù hợp với ý kiến trình bày của ông T về nguyên nhân mâu thuẫn và bà Đ cũng thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, không đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận ông T và bà Đ là vợ chồng; Về con chung: các bên thống nhất thỏa thuận, nên ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự; Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Neàng Kim Đ có hộ khẩu thường trú tại Tổ 3, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về nội dung vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, nhưng không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì "*Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*". Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Chau Chanh T và bà Neàng Kim Đ theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Chau Kim T, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010 và Chau Chanh Sôk P, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2013. Tại thời điểm xét xử cháu T trên 7 tuổi, cháu P chưa đủ 7 tuổi, do đó Tòa án chỉ tiến hành lấy ý kiến của cháu T. Tuy nhiên, ông T đồng ý giao con chung cho bà Đ nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận này phù hợp pháp luật và phù hợp nguyện vọng cháu T, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung bà Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

- Về án phí: Ông Chau Chanh T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Bà Neàng Kim Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Chau Chanh T đối với bà Neàng Kim Đ.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Chau Chanh T và bà Neàng Kim Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai (02) con chung tên Chau Kim T, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010 và Chau Chanh Sôk P, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2013 cho bà Neàng Kim Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Chau Chanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Neàng cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Chau Chanh T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Chau Chanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004242 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Ông T đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Ngọc Mỹ**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.